Chi tiết mã HS 3206.19.90

Mã HS	3206.19.90
Mô tả hàng hóa	Chất màu khác; các chế phẩm như đã ghi trong Chú giải 3 của Chương này, trừ các loại thuộc nhóm 32.03, 32.04 hoặc 32.05; các sản phẩm vô cơ được dùng như chất phát quang, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học / - Thuốc màu và các chế phẩm từ dioxit titan: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 03:52:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32061990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4823
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4823
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4823
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4710
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4671
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4671
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4671
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4671
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4671
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4671
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4709
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4709
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4709
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4709

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4709
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4709
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4713
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4713
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4713
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4713
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4713
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4713
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4713
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4677
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4673
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4673
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4673
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4673
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4673
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4673
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4673
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4673
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4673
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4673
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4673
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4673
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4720
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4720
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4720
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4720

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4720
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4720
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4717
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4717
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4717
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4717
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4717
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4717
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4725
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4725
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4725
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4725
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4725
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4725
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4696
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4696
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4696
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4696
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4696
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4696
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4698
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4698
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4698
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4698
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4698
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4698

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4696
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4696
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4696
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4696
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4696
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4696
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4696
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4717
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4717
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4717
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4717
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4717
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4717
RCEP B	2022	2022	0	B!D4717
RCEP B	2023	2023	0	B!E4717
RCEP B	2024	2024	0	B!F4717
RCEP B	2025	2025	0	B!G4717
RCEP B	2026	2026	0	B!H4717
RCEP B	2027	2027	0	B!I4717
RCEP C	2022	2022	0	C!D4717
RCEP C	2023	2023	0	C!E4717
RCEP C	2024	2024	0	C!F4717
RCEP C	2025	2025	0	C!G4717
RCEP C	2026	2026	0	C!H4717
RCEP C	2027	2027	0	C!I4717
RCEP D	2022	2022	0	D!D4717

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4717
RCEP D	2024	2024	0	D!F4717
RCEP D	2025	2025	0	D!G4717
RCEP D	2026	2026	0	D!H4717
RCEP D	2027	2027	0	D!I4717
RCEP E	2022	2022	0	E!D4720
RCEP E	2023	2023	0	E!E4720
RCEP E	2024	2024	0	E!F4720
RCEP E	2025	2025	0	E!G4720
RCEP E	2026	2026	0	E!H4720
RCEP E	2027	2027	0	E!I4720
RCEP F	2022	2022	0	F!D4717
RCEP F	2023	2023	0	F!E4717
RCEP F	2024	2024	0	F!F4717
RCEP F	2025	2025	0	F!G4717
RCEP F	2026	2026	0	F!H4717
RCEP F	2027	2027	0	F!I4717
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4348
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4348
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4348
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4348

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3206.19 có 2 dòng thuế; dòng 3206.19.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3206.19.10 Thuốc màu	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3206.19.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3206.19.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4823), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.